

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 17

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Số 37, Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

	Chức vụ
Ông Nguyễn Như Lâm	Chủ tịch
Ông Đinh Văn Tòng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Bích Mùi	Ủy viên
Ông Vũ Văn Thiệu	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Phán	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Như Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thiệu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Mùi	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Như Lâm

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2011

Số: 144/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO**KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc tại ngày 30/6/2011 được lập ngày 04/08/2011 của Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") từ trang 03 đến trang 17 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán đề ngày 12/03/2011 với ý kiến chấp nhận từng phần.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.



Bùi Văn Ngọc
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0035/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2011



Nguyễn Đức Tiến
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0517/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		5.529.189.924	7.262.503.468
I. Tiền	110	5	1.534.252.362	1.188.990.104
1. Tiền	111		1.534.252.362	1.188.990.104
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.799.130.473	4.636.487.529
1. Phải thu khách hàng	131		1.847.516.129	1.547.017.811
2. Trả trước cho người bán	132		520.532.000	1.714.366.450
3. Các khoản phải thu khác	135	6	431.082.344	1.375.103.268
III. Hàng tồn kho	140	7	630.772.254	1.101.971.920
1. Hàng tồn kho	141		630.772.254	1.101.971.920
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		565.034.835	335.053.915
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		22.831.827	51.072.783
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.552.008	364.916
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	528.651.000	283.616.216
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		73.531.429.129	70.985.569.690
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		48.991.969	48.991.969
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(48.991.969)	(48.991.969)
II. Tài sản cố định	220		62.780.090.413	60.215.874.323
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	33.965.602.825	34.893.850.264
- Nguyên giá	222		59.768.799.816	59.554.514.362
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.803.196.991)	(24.660.664.098)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	28.814.487.588	25.322.024.059
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.729.439.590	10.729.439.590
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	2.729.439.590	2.729.439.590
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	8.000.000.000	8.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		21.899.126	40.255.777
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		21.899.126	40.255.777
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		79.060.619.053	78.248.073.158

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

MẪU SỐ B 01 - DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		13.426.544.769	9.677.304.221
I. Nợ ngắn hạn	310		11.666.838.621	7.745.714.418
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	354.369.000	1.394.601.000
2. Phải trả người bán	312		1.054.919.615	284.806.071
3. Người mua trả tiền trước	313		700.038.123	2.914.961.165
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	2.781.501.700	992.047.254
5. Phải trả người lao động	315		494.767.721	192.130.497
6. Chi phí phải trả	316		27.799.332	10.040.187
7. Phải trả nội bộ	317		64.986.646	200.261.360
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	6.209.718.423	1.546.575.623
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(21.261.939)	210.291.261
II. Nợ dài hạn	330		1.759.706.148	1.931.589.803
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		162.776.266	229.591.980
2. Doanh thu chưa thực hiện	338	16	1.596.929.882	1.701.997.823
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	17	65.634.074.284	68.570.768.937
I. Vốn chủ sở hữu	410		65.634.074.284	68.570.768.937
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		57.029.400.000	57.029.400.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		2.762.901	(32.758.206)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.124.196.508	1.140.943.547
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.483.661.313	1.083.613.486
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		4.994.053.562	9.349.570.110
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		79.060.619.053	78.248.073.158

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2011	31/12/2010
1. Ngoại tệ (USD)	2.267,02	2.308,06
2. Vật tư, hàng hóa nhận gia công		



Nguyễn Như Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011

MẪU SỐ B 02 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		18.690.207.955	14.637.531.995
2. Giá vốn hàng bán	11		8.803.881.928	7.373.159.897
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		9.886.326.027	7.264.372.098
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	447.887.737	807.812.313
5. Chi phí tài chính	22	19	10.892.581	224.578.489
6. Chi phí bán hàng	24		311.113.844	798.149.181
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.092.801.981	3.718.493.463
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		5.919.405.358	3.330.963.278
9. Thu nhập khác	31		748.064.475	921.119.979
10. Chi phí khác	32		78.589.132	-
11. Lợi nhuận khác	40		669.475.343	921.119.979
12. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50		6.588.880.701	4.252.083.257
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	1.602.255.175	721.256.102
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
15. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế	60		4.986.625.526	3.530.827.155
16. Lãi trên cổ phiếu	70	21	874	619



Nguyễn Như Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

MÃ SỐ B 03 - DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	19.774.201.174	17.424.286.316
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(4.949.770.871)	(6.767.167.179)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.609.301.477)	(5.588.197.646)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.982.894.197)	(1.269.851.180)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	4.985.165.662	5.504.312.222
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(9.697.790.598)	(10.168.349.376)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.519.609.693	(864.966.843)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(169.636.542)	(898.475.916)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(17.997.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	17.997.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(169.636.542)	(898.475.916)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	48.600.000	6.559.900.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.088.832.000)	(4.803.337.631)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(14.930.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.040.232.000)	1.741.632.369
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	309.741.151	(21.810.390)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.188.990.104	1.292.157.867
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	35.521.107	(703.963)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.534.252.362	1.269.643.514



Nguyễn Như Lâm
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮC

Số 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vải sợi May mặc Miền Bắc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103008442 ngày 05/07/2005, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 19/11/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ: 57.029.400.000 đồng

Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Giá trị cổ phần
1.	Vốn Nhà nước do ông Nguyễn Như Lâm đại diện	1.634.114	16.341.140.000
2.	32 Cổ đông sáng lập khác	1.973.573	19.735.730.000

Địa chỉ trụ sở chính: Số 37 Lý Thường Kiệt, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2011 là 324 người, tại ngày 31/12/2010 là 342 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng dệt, may, bông, vải, sợi, thuốc nhuộm, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm), hàng đồ da và giả da, hàng điện máy, nguyên liệu, phụ liệu, máy móc thiết bị, nông lâm sản, thực phẩm, thủy sản, vật liệu xây dựng, giấy và văn phòng phẩm;
- Xây dựng, kinh doanh dịch vụ kho, nhà xưởng, văn phòng làm việc;
- Buôn bán hàng tiêu dùng;
- Kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện pháp lý có liên quan.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Riêng báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2011 đến 30/06/2011.

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Công ty TNHH MTV Vải sợi May mặc Miền Bắc II: Công ty góp vốn vào Công ty TNHH MTV Vải sợi May mặc Miền Bắc II với tỷ lệ phần sở hữu là 100%.
- Công ty Cổ phần Trường Hà: Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Trường Hà với tỷ lệ phần sở hữu là 57,14%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính.

Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	07 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	5
Tài sản cố định khác	03 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối (từ 51% trở lên) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư và công ty con được phản ánh theo giá gốc trên bảng cân đối kế toán.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản vốn góp vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc và được phản ánh là một khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính.

Công ty đang xác định khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Trường Hà với tỷ lệ phần sở hữu 57,14% là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư số 201/2009/TT-BTC quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC, làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty cho hoạt động kết thúc tại ngày 30/06/2011 sẽ giảm 2.762.901 VND và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30/06/2011 sẽ tăng một khoản tương ứng so với việc áp dụng theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ban Giám đốc Công ty quyết định áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10, sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính.

Thuế

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ

Chỉ tiêu	Số liệu tại ngày 31/12/2010	Số liệu tại ngày 30/06/2011	Chênh lệch	Ghi chú
	đã kiểm toán	điều chỉnh lại		
Đầu tư vào công ty con	-	2.729.439.590	2.729.439.590	(1)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	54.299.960.410	57.029.400.000	2.729.439.590	(1)

(1) Công ty đang ghi nhận giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu đối với khoản đầu tư vào công ty con Công ty TNHH MTV Vải sợi May mặc Miền Bắc II.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮCSố 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN**

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	23.460.296	152.559.133
Tiền gửi ngân hàng	1.510.792.066	1.036.430.971
	1.534.252.362	1.188.990.104

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Thành	186.120.000	186.120.000
Tạm ứng chi phí cho Ban Đầu tư	96.000.000	48.000.000
Các khoản phải thu khác	148.962.344	1.140.983.268
	431.082.344	1.375.103.268

7. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguyên vật liệu	62.171.417	103.303.408
Công cụ, dụng cụ	6.412.178	6.628.946
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.865.486	54.054.115
Thành phẩm	550.709.929	935.943.912
Hàng hóa	1.613.244	2.041.539
Cộng	630.772.254	1.101.971.920
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	630.772.254	1.101.971.920

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tạm ứng	436.651.000	171.532.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	92.000.000	112.084.216
	528.651.000	283.616.216

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮCSố 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Đơn vị: VND					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 31/12/2010	48.383.972.685	6.970.555.808	1.884.397.870	713.191.207	1.602.396.792	59.554.514.362
Mua trong năm	-	-	214.285.454	-	-	214.285.454
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2011	48.383.972.685	6.970.555.808	2.098.683.324	713.191.207	1.602.396.792	59.768.799.816
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Tại ngày 31/12/2010	15.178.605.339	6.765.105.959	1.134.832.102	452.049.255	1.130.071.443	24.660.664.098
Khấu hao trong năm	800.944.968	88.388.840	100.007.319	54.585.494	98.606.272	1.142.532.893
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2011	15.979.550.307	6.853.494.799	1.234.839.421	506.634.749	1.228.677.715	25.803.196.991
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/06/2011	32.404.422.378	117.061.009	863.843.903	206.556.458	373.719.077	33.965.602.825
Tại ngày 31/12/2010	33.205.367.346	205.449.849	749.565.768	261.141.952	472.325.349	34.893.850.264

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2011 là 8.334.493.330 đồng.

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	25.322.024.059
Tăng trong kỳ	3.706.748.983
Kết chuyển sang tài sản cố định	214.285.454
Tại ngày 30 tháng 06	28.814.487.588

Chi tiết phát sinh cho từng công trình:

Công trình	01/01/2011	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2011
Dự án cải tạo xây dựng Lạc Trung	-	63.217.816	-	63.217.816
Dự án cải tạo nhà 352 Giải Phóng	27.203.091	-	-	27.203.091
Dự án xây dựng Trung tâm TM Đức Giang	25.080.535.514	3.643.531.167	-	28.724.066.681
Mua sắm tài sản cố định	214.285.454	-	214.285.454	-
Tổng cộng	25.322.024.059	3.706.748.983	214.285.454	28.814.487.588

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty TNHH Một thành viên Vải sợi May mặc Miền Bắc II	2.729.439.590	2.729.439.590
	2.729.439.590	2.729.439.590

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮCSố 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30/06/2011 như sau:

Tên Công ty	Nơi hoạt động và thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Vải sợi May mặc Miền Bắc II	T.P Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất mua bán hàng may mặc, sản phẩm dệt may

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Công ty Cổ phần Trường Hà	8.000.000.000	8.000.000.000
	8.000.000.000	8.000.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 30/06/2011 như sau:

Tên Công ty	Nơi hoạt động và thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Trường Hà	T.P Hà Nội	57,14%	57,14%	Thương mại

Khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Trường Hà với tỷ lệ quyền sở hữu 57,14%. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty xác định đây là khoản đầu tư vào Công ty liên kết.

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn cán bộ công nhân viên và các cổ đông (*)	354.369.000	1.394.601.000
	354.369.000	1.394.601.000

Ghi chú: (*) Công ty huy động vay vốn của các cán bộ công nhân viên và các cổ đông theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 25/02/2008. Lãi suất huy động vốn là 15%/năm (1,25%/tháng) theo Văn bản số 201/VSMB ngày 26/12/2010 của Tổng Giám đốc Công ty.**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	30/06/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	87.851.354
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.749.617.396	621.859.600
Tiền thuê đất	782.701.084	282.336.300
Thuế thu nhập cá nhân	249.183.220	-
	2.781.501.700	992.047.254

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮCSố 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	178.827.689	-
Kinh phí công đoàn	46.571.038	42.040.106
Nhận tiền đặt cọc dịch vụ cho thuê kho xưởng	2.044.434.000	-
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	2.290.623.090	-
Các khoản phải trả khác	1.649.262.606	1.504.535.517
	6.209.718.423	1.546.575.623

16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chênh lệch đánh giá lại tài sản đi góp vốn	1.272.918.822	1.697.225.096
Doanh thu chưa thực hiện	324.011.060	4.772.727
	1.596.929.882	1.701.997.823

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong Vốn chủ sở hữu:

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị: VND Tổng cộng
Số dư tại ngày 31/12/2009	57.029.400.000	(53.552.832)	191.494.042	653.493.000	8.400.716.656	66.221.550.866
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.341.681.831	9.341.681.831
Tăng trong năm	-	79.450.996	949.449.505	430.120.486		1.459.020.987
Giảm trong năm	-	(58.656.370)			(8.392.828.377)	(8.451.484.747)
Số dư tại ngày 31/12/2010	57.029.400.000	(32.758.206)	1.140.943.547	1.083.613.486	9.349.570.110	68.570.768.937
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	4.986.625.526	4.986.625.526
Tăng trong kỳ	-	55.455.079	983.252.961	400.047.827	135.274.714	1.574.030.581
Giảm trong kỳ	-	(19.933.972)			(9.477.416.788)	(9.497.350.760)
Số dư tại ngày 30/06/2011	57.029.400.000	2.762.901	2.124.196.508	1.483.661.313	4.994.053.562	65.634.074.284

Theo Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 ngày 19/04/2011, lợi nhuận sau thuế năm 2010 được dùng để trích Quỹ Đầu tư phát triển 983.252.961 đồng, Quỹ Dự phòng tài chính 430.120.486 đồng, Quỹ Khen thưởng Phúc lợi 110.000.000 đồng, chi trả cổ tức 7.984.116.000 đồng (tỷ lệ 14%).

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty:

	30/06/2011	31/12/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông		
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	5.702.940	5.702.940
+ Số cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đủ	5.702.940	5.702.940
+ Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ	5.702.940	5.702.940

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮCSố 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi	209.887.737	14.110.238
Lãi từ hoạt động liên kết, liên doanh	238.000.000	758.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	35.702.075
	447.887.737	807.812.313

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.892.581	224.578.489
	10.892.581	224.578.489

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	6.588.880.701	4.252.083.257
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(179.860.000)	(738.635.156)
- Giảm: Doanh thu không chịu thuế	(238.000.000)	(758.000.000)
- Tăng: Chi phí không được tính thuế	58.140.000	19.364.844
Thu nhập chịu thuế, trong đó:	6.409.020.701	3.513.448.101
- Thu nhập chịu thuế suất 12,5% (được giảm 50%)	-	2.562.116.007
- Thu nhập chịu thuế suất 25%	6.409.020.701	951.332.094
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	12,5%	12,5%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2010	1.602.255.175	558.097.525
Điều chỉnh bổ sung thuế TNDN năm 2009	-	163.158.577
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.602.255.175	721.256.102

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011, Công ty đã xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận kế toán không có sự khác biệt đáng kể so với lợi nhuận cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẢI SỢI MAY MẶC MIỀN BẮCSố 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.986.625.526	3.530.827.155
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	5.702.940	5.702.940
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	874	619
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

22. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:**

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND
Lương Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	230.788.666	301.819.482
Thưởng	4.650.000	1.714.500
Khác	8.500.000	2.350.000

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đang có những lô đất được Nhà nước cho thuê dài hạn, trả tiền thuê đất hàng năm.

Công ty có thực hiện ký hợp đồng thuê nhà đất với Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội về việc thuê văn phòng tại địa chỉ số 37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Theo đó, thời hạn thuê từ ngày 01/01/2009 đến ngày 01/01/2014 với tổng tiền thuê nhà một tháng là 86.507.400 đồng.

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kết quả kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010 đã được soát xét.

**Nguyễn Như Lâm**
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2011

Nguyễn Thị Bích Mùi
Kế toán trưởng